TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Thùy

2. Bà Nguyễn Thị Cẩm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh N Yến – Thư ký Tòa án nhân nhân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc: "tranh chấp ly hôn, con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Ngọc Đ, sinh năm 1986. "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện D, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1978 "vắng mặt".

Địa chỉ cư trú: số Q, Khu B, thị trấn N, huyện R, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/5/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Ngọc Đ trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh H thành hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Cà Mau vào ngày 17/6/2015. Vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được một người con. Sau đó thì vợ chồng bất đồng quan điểm, thường cự cải dẫn đến vợ chồng không còn sống chung 04 năm nay. Chị xác định không còn tình

cảm, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/01/2018 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản (biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2023) bị đơn anh Nguyễn Minh H trình bày: Anh và chị Bùi Ngọc Đ có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có bất đồng ý kiến nên vợ chồng có cự cải. Giữa anh và chị Đ không còn sống chung 04 năm nay. Theo yêu cầu ly hôn của chị Đ thì anh đồng ý.

Về con chung: Giữa anh và chị Đ có một con chung Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/01/2018 hiện đang sống chung với chị Đ cuộc sống cũng đảm bảo. Anh đồng ý để chị Đ tiếp tục nuôi con và anh không cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị Đ đi làm đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung giữa anh và chị Đ không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụn dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Bùi Ngọc Đ được ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/01/2018 cho chị Bùi Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và anh H được quyền thăm non con chung không ai có quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ nộp 300.000đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn, với anh Nguyễn Minh H có địa chỉ: B, N, huyện R, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R. Do đó, Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chị Bùi Ngọc Đ và bị đơn anh Nguyễn Minh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Ngọc Đ và anh Nguyễn Minh H thành hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 41 quyển số 01/2015 ngày 17/6/2015 là hợp pháp và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Bùi Ngọc Đ cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường cự cải dẫn đến vợ chồng không còn sống chung 04 năm nay. Chị Đ yêu cầu ly hôn với anh H. Anh H cũng thừa nhận trong quá trình chung sống thì vợ chồng có bất đồng ý kiến nên vợ chồng có cự cải. Giữa anh H và chị Đ không còn sống chung 04 năm nay. Theo yêu cầu ly hôn của chị Đ thì anh H đồng ý. Từ đó xác định mâu thuẫn giữa chị Đ và anh H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Bùi Ngọc Đ và anh Nguyễn Minh H có 01 chung là Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/01/2018 hiện đang sống với chị Đ, cuộc sống cũng đảm bảo. Chị Đ yêu cầu được nuôi con. Anh H cũng đồng nên ghi nhận. Giao cháu N cho chị Đ nuôi, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Ngọc Đ là người trực tiếp nuôi con chung nhưng chị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Ngọc Đ và anh Nguyễn Minh H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụn dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Ngọc Đ.

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Bùi Ngọc Đ được ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Nguyễn Bảo N, sinh ngày 15/01/2018 cho Bùi Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bùi Ngọc Đ có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Đ đã nộp theo biên lai thu số 0004166 ngày 09/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện R;
- Thi hành án dân sự huyện R;
- Uỷ ban nhân dân xã T, huyện D, CM;
(Giấy kết hôn số: 41, ngày 17/6/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Hoàng Phong